
NGHIÊN CỨU

Kinh tế thế giới năm 2013 và triển vọng

Kim Ngọc *

*Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam,
Số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 2 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 03 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 22 tháng 4 năm 2014

Tóm tắt: Năm 2013, 5 năm sau khủng hoảng tài chính, nền kinh tế thế giới vẫn đang phục hồi chậm chạp, thiếu bền vững với nhiều rủi ro tiềm ẩn. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục giảm mạnh, chỉ đạt 2,9%, thấp hơn 0,3% so với mức tăng trưởng 3,2% năm 2012, 1% so với mức tăng trưởng 3,9% năm 2011 và 2,3% so với mức tăng 5,2% năm 2010.

Từ khóa: Kinh tế thế giới, thương mại thế giới, đầu tư quốc tế, dự báo kinh tế.

1. Kinh tế các nước phát triển tăng trưởng chậm

Tại các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 1,2%, thấp hơn so với mức tăng 1,5% năm 2012, 1,7% năm 2011 và thấp hơn nhiều so với mức tăng 3% năm 2010. Trong đó, tại Mỹ, bất đồng đảng phái và khả năng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) chấm dứt chính sách kích thích tiền tệ đã tác động tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế số 1 thế giới. Tăng trưởng GDP của Mỹ giảm mạnh từ mức 2,8% năm 2012 xuống còn 1,6% năm 2013 [1]. Tại Nhật Bản, việc chính phủ thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ quy mô lớn đã và đang giúp cho nền kinh tế chuyển biến “thuận lợi”. Không giống với sự phục hồi

kinh tế trước đây vốn dựa vào xuất khẩu và tiếp đến là sự cải thiện về việc làm và thu nhập, sự phục hồi kinh tế Nhật Bản hiện nay chịu ảnh hưởng bởi nhu cầu trong nước, trong đó có các khoản chi của người dân và lĩnh vực công. Tăng trưởng GDP năm 2013 vẫn duy trì ở mức 2%. Tuy nhiên, để đảm bảo kinh tế phát triển bền vững, điều kiện cần là chính phủ phải thiết lập một “cơ cấu tài chính bền vững”. Liên minh châu Âu (EU) [2] đã thoát khỏi suy thoái kinh tế, đang dần ra khỏi khủng hoảng. Trong suốt 5 năm qua, EU đã kiên trì “chống trợ” với khủng hoảng nợ công bằng cách cải tổ căn bản hệ thống ngân hàng, chỉ hàng tỷ euro trợ giúp những quốc gia thành viên bị ảnh hưởng nặng nề. Những nỗ lực này của EU đã đạt được kết quả đáng khích lệ khi không thành viên nào buộc phải rời khỏi Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone). Tăng trưởng GDP của EU đạt 0,0% so với mức tăng trưởng âm 0,3% năm

*ĐT: 84-913513745

Email: kimngoc_vapac@yahoo.com

2012, trong đó, kinh tế Anh tăng trưởng 1,4% - mức tăng trưởng cao nhất trong EU và trong số các nước phát triển trên thế giới. Khu vực Eurozone đã thoát khỏi cuộc suy thoái kéo dài nhất trong lịch sử của khối và bắt đầu tăng trưởng trở lại, trong khi đó nhờ quyết tâm của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cứu đồng euro "bằng mọi giá" nên cuộc khủng hoảng nợ công đã lắng dịu. Các chỉ số niềm tin kinh doanh ở một số nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cơn bão nợ công đang dần ổn định. Tăng trưởng GDP của Eurozone đạt âm 0,4% so với mức tăng trưởng âm 0,6% năm 2012. Đức tiếp tục đóng vai trò đầu tàu, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Eurozone. Tăng trưởng GDP của Đức đạt 0,5%, thấp hơn mức 0,9% năm 2012. Kinh tế Pháp lần đầu tiên tăng trưởng, đạt 0,2% so với mức tăng trưởng 0,0% năm 2012. Tây Ban Nha đã thoát khỏi suy thoái kinh tế trong quý 3 năm 2013, với mức tăng trưởng GDP đạt âm 1,3% so với mức tăng âm 1,6% năm 2012.

Mặc dù vậy, các chuyên gia kinh tế của EU cho rằng, sự phục hồi kinh tế này vẫn quá mong manh để giúp khu vực sớm vượt qua những vấn nạn nghiêm trọng, trong đó có vấn đề tỷ lệ thất nghiệp cao, gần 10% lực lượng lao động (26 triệu người), nợ công cao và hệ thống ngân hàng còn ốm yếu. Theo Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), số người thất nghiệp đã giảm lần đầu tiên trong hai năm qua xuống còn khoảng 19 triệu người. Tuy nhiên, mức giảm số người thất nghiệp chưa đủ lớn để kéo tỷ lệ thất nghiệp trong toàn Eurozone, hiện ở mức cao kỷ lục (12,1%) xuống thấp hơn. Trong khi đó, cơ cấu thị trường lao động của châu Âu về cơ bản không có nhiều thay đổi. Hiện tại, tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ ở các nước Liên minh châu Âu đang ở mức cao (23,5%). Trong đó, có 7,5 triệu người từ 15-24 tuổi không có việc làm. Tình hình căng thẳng nhất vẫn ở Hy Lạp và Tây Ban

Nha, nơi có tỷ lệ thất nghiệp lần lượt là 26,9% và 26,3%. Đặc biệt là tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ dưới 25 tuổi ở hai quốc gia này đang ở mức cao kỷ lục, tương ứng là: 58,7% và 56,1%.

Nợ công của Pháp có thể sẽ tăng lên gần 2.000 tỷ euro (2.700 tỷ USD), tương đương 95,1% GDP vào cuối năm 2014, cao hơn so với dự đoán của chính phủ đưa ra trước đó là 94,3% GDP. Cuối năm 2012, nợ công của nền kinh tế lớn thứ hai khu vực Eurozone này đã tăng lên 90,2% GDP và tính đến cuối năm 2014 (sau khoảng 2 năm), nợ công của Pháp có thể tăng thêm 120 tỷ euro.

2. Kinh tế các nước đang phát triển và mới nổi bất ổn

Trong Báo cáo về Triển vọng kinh tế thế giới tháng 11 năm 2013, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã tỏ ra thận trọng khi đánh giá triển vọng các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi [3]. IMF cho rằng, những triển vọng trung hạn của các nền kinh tế thị trường mới nổi lên đã kém đi. Tốc độ tăng trưởng GDP của các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển hiện đã giảm mạnh từ mức tăng 7,5% năm 2010 xuống còn 4,5% năm 2013, phần lớn là do sự suy giảm kinh tế mạnh mẽ ở Brazil, Trung Quốc và Ấn Độ. Theo IMF, sự suy giảm tăng trưởng của các thị trường mới nổi lên không phải chưa có tiền lệ. Đối với một số nước thuộc nhóm các nền kinh tế mới nổi BRICS (gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), điều này thậm chí không có gì khác thường và nêu rõ rằng sự sụt giảm hiện tại còn nhẹ nhàng hơn so với các mức sụt giảm trước đây đối với Trung Quốc và Brazil. Kinh tế các nước đang phát triển của châu Á tăng trưởng 6,3%. Tại *Trung Quốc*, tăng trưởng GDP đạt 7,6% năm 2013, mức thấp nhất trong 15 năm qua do các

nhà tạo lập chính sách đang kiểm chế các biện pháp kích thích tăng trưởng, nhằm ổn định tài chính và tái cân bằng cung cầu trong nước. 5 năm sau khủng hoảng tài chính, sức mạnh kinh tế của Trung Quốc đang sụt giảm và nền kinh tế phát triển chậm lại. Trên cơ sở thực hiện các gói kích thích kinh tế năm 2008, tổng số tiền cho vay của các ngân hàng Trung Quốc tăng từ 9.000 lên 23.000 tỷ USD vào đầu năm 2013. Các khoản vay này đã đẩy chênh lệch giữa tỷ lệ tín dụng và tỷ lệ GDP danh nghĩa lên hai con số và hiện ở mức 14% - một xu hướng rất nguy hiểm. Năm 2012, sau khi bơm 4.000 tỷ Nhân dân tệ vào nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc bất ngờ sụt giảm, do đó Chính phủ Trung Quốc chủ trương không cần dựa vào chính sách kích cầu hoặc tăng các khoản đầu tư của chính phủ, mà động lực chủ yếu của nền kinh tế phải là các cơ chế và các lực lượng thị trường. Vì vậy, biện pháp gần đây của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) nhằm ngăn chặn bong bóng tín dụng trên thị trường liên ngân hàng cho thấy lãnh đạo Trung Quốc muốn giảm các khoản cho vay, bằng cách giảm mức tăng trưởng cung cấp tiền và nợ xấu, và giảm thiểu nguy cơ rủi ro tài chính trong tương lai.

Nền kinh tế *Ấn Độ* gặp nhiều khó khăn. Sự tự tin của *Ấn Độ* về cải cách và tăng trưởng kinh tế đang bị lung lay; kinh tế khủng hoảng tiềm ẩn do lạm phát cao, thâm hụt ngân sách leo thang và bất cập cơ cấu. Tăng trưởng GDP đã bị chậm lại, chỉ đạt mức 3,8% năm 2013, thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,3% năm 2011. Công nghiệp chế biến chiếm 17% GDP năm 1995 đã giảm xuống 14% vào năm 2013. Công nghiệp chế biến không phát triển mạnh nên không tạo việc làm. *Ấn Độ* chỉ chú ý đến công nghiệp phần mềm đòi hỏi tay nghề cao, do đó đẩy mức lương tăng cao trong khi đại bộ phận lao động tay nghề thấp, thu nhập không tăng,

dẫn đến căng thẳng xã hội. Kinh tế ngày một tăng trưởng chậm hơn có thể làm gia tăng gánh nặng nợ của một số công ty công nghiệp lớn nhất nước. Tình trạng kinh tế *Ấn Độ* như hiện nay có gốc rễ sâu xa. Thứ nhất, chính phủ cho rằng sự phát triển kinh tế của *Ấn Độ* là một quá trình tự thân, do đó đã không chú trọng xử lý những vấn đề nghiêm trọng thuộc về cơ cấu kinh tế. Thứ hai, khi đã có một ngân sách tương đối dồi dào, Chính phủ lập tức thực hiện các chương trình tái phân phối lớn, bỏ qua những hậu quả về thâm hụt tài chính và thương mại tăng cao.

Sự giảm sút tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã tác động mạnh mẽ tới các nền kinh tế ở *Đông Nam Á* cũng như đối với các nước chuyên xuất khẩu nguyên liệu thô như *Australia*. *Australia*, nhà cung cấp quặng sắt lớn, đang bị ảnh hưởng nặng nề từ sự đình trệ đầu tư hạ tầng của Trung Quốc. Bộ Tài chính *Australia* dự báo một sự sụt giảm nghiêm trọng trong thương mại nước này. Chính phủ *Australia* tuyên bố “sự bùng nổ Trung Quốc”, vốn là lực kéo chính cho các dự án đầu tư quặng sắt, đã kết thúc. Tăng trưởng chậm lại không phải là vấn đề duy nhất.

Ngày càng có nhiều quan ngại rằng mức nợ cao của Trung Quốc - hậu quả từ tăng trưởng tín dụng nóng và gói kích thích tài chính đưa ra sau cuộc khủng hoảng năm 2008 - có thể gây ra một cuộc khủng hoảng tài chính mới.

Theo WB, các nền kinh tế *Đông Nam Á* đang mở rộng với tốc độ chậm hơn khi Trung Quốc dịch chuyển từ nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu sang tập trung vào nhu cầu nội địa. Tuy vậy, *Đông Nam Á* vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) khẳng định các nền kinh tế *Đông Nam Á* đang nhanh chóng trở thành bộ phận quan trọng trong chuỗi sản xuất và thương

mại toàn cầu. Các nền kinh tế Đông Nam Á chiếm 15% sản lượng và 25% kim ngạch thương mại của các nước đang phát triển khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) dự kiến thành lập vào năm 2015 sẽ tiếp tục thúc đẩy các nước thành viên cùng phát triển. Mở rộng kích cầu trong nước trong khi duy trì thị trường xuất khẩu đã giúp cho tăng trưởng kinh tế của các nước Đông Nam Á năm 2013 đạt mức 5,5%, trong đó, tăng trưởng kinh tế năm 2013 của 5 nền kinh tế chủ chốt ASEAN là Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan và Philippines đạt 5,8% (con số của IMF là 5,0%).

Nước Nga đã “vắt kiệt” mô hình tăng trưởng kinh tế với việc tăng giá dầu và tận dụng năng lực dư thừa. Chính phủ Nga đã hai lần phải điều chỉnh mức tăng trưởng kinh tế năm 2013. Tăng trưởng GDP của Nga giảm mạnh, tăng trưởng chậm nhất kể từ năm 2008, chỉ đạt 1,8% (con số của IMF là 1,5%) so với mức tăng 3,4% năm 2012; 4,3% năm 2011. Bộ trưởng Phát triển kinh tế Nga Alexei Ulyukayev đánh giá, năm 2013, lần đầu tiên trong 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế Nga giảm xuống thấp hơn mức tăng trưởng kinh tế trung bình của các nước trên thế giới. Ngành công nghiệp của Nga tăng trưởng yếu là do nhu cầu tiêu thụ trên toàn cầu sụt giảm và tình trạng suy thoái kinh tế tại châu Âu, qua đó tác động đến nền kinh tế theo định hướng xuất khẩu của Nga. Trong khi đó, Bộ Phát triển Kinh tế đánh giá dòng vốn chảy khỏi Nga có thể lên tới 70 tỷ USD. Trong nhóm các nền kinh tế mới nổi mạnh nhất (BRICS), Nga đã tụt hậu và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn so với các thành viên còn lại. Hiện chỉ có khoảng 2% người Nga sẵn sàng tham gia vào lĩnh vực kinh doanh, trong khi tỷ lệ trung bình tương ứng của các nước trong nhóm BRICS là 21%.

Theo tờ *Ekonomiya*, tình trạng kinh tế khó khăn trong mùa hè năm nay tại các thị trường

mới nổi đã bước sang một giai đoạn mới âm ảm hơn. Ấn Độ, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ và Indonesia đều thông báo các biện pháp cấp bách để tìm cách tránh cho đồng nội tệ và thị trường chứng khoán nước mình bị sụt giảm mạnh. Điều đáng nói là tất cả 10 thị trường mới nổi lớn nhất đều bị mất tiền trong năm nay. Nhiều ngân hàng trung ương đã tìm cách đảo ngược tình hình hoặc ít ra cũng làm giảm bớt tốc độ suy giảm của đồng tiền nước họ bằng cách dùng dự trữ ngoại tệ để can thiệp vào các thị trường. Các ngân hàng trung ương của các nước đang phát triển đã bị mất 81 tỷ USD tiền dự trữ khẩn cấp do thất thoát vốn và sự can thiệp vào các thị trường tiền tệ từ đầu tháng 5/2013. Dự trữ của Indonesia giảm 26% so với đầu năm 2013. Sự thất thoát vốn và sụt giảm giá trị tiền tệ đã tác động tiêu cực đến các nền kinh tế này theo những cách khác nhau khi gây ra lạm phát tới 10% ở Ấn Độ và làm tăng giá hàng nhập khẩu ở tất cả các nền kinh tế mới nổi này.

IMF cho rằng, sự sụt giảm tốc độ tăng trưởng GDP sẽ kéo dài với hai nền kinh tế là Trung Quốc và Nga bởi lý do đơn giản là thời kỳ tăng trưởng của các nước này đã gần kết thúc. Mô hình của Trung Quốc dựa trên sự tăng trưởng dàn trải đã dẫn tới sự dư thừa khả năng sản xuất và lợi nhuận tỷ lệ nghịch với đầu tư, cùng với xu hướng dân số chống lại các chính sách phát triển. Thiếu sự cải cách nền tảng để tái cân bằng nền kinh tế hướng tới tiêu dùng và khuyến khích tăng trưởng sản xuất thông qua việc xóa bỏ sự can thiệp là một thách thức khác của chính phủ Trung Quốc.

Kinh tế Mỹ Latin và Caribe bị ảnh hưởng nhiều từ sự suy giảm của kinh tế Trung Quốc. Năm 1990, Trung Quốc chỉ đứng thứ 17 trong danh sách các nước nhập khẩu hàng hóa lớn của châu Mỹ Latin. Đến năm 2011, Trung Quốc trở thành thị trường xuất khẩu số 1 của Brazil, Chile và Peru, số 2 của Argentina, Cuba,

Uruguay, Colombia và Venezuela. Cũng trong khoảng thời gian này, thương mại hàng năm giữa Trung Quốc và Mỹ Latin tăng mạnh từ 8 tỷ USD lên 230 tỷ USD và ước tính khoảng 400 tỷ USD vào năm 2017. Bên cạnh tài nguyên khoáng sản, Trung Quốc cũng trở thành thị trường xuất khẩu thực phẩm lớn nhất của Mỹ Latin khi chiếm tới 40% lượng nông sản xuất khẩu toàn cầu của khu vực. Các loại thực phẩm Mỹ Latin xuất sang Trung Quốc chủ yếu gồm thịt bò, thịt gia cầm, đậu nành, ngô, cà phê và thức ăn gia súc. Kinh tế Trung Quốc giảm tốc đã góp phần không nhỏ kéo tăng trưởng kinh tế của Mỹ Latin và Caribe năm 2013 giảm xuống còn 2,7%, thấp hơn 0,2% so với mức tăng trưởng 2,9% năm 2012 và thấp xa so với mức tăng 4,6% năm 2011.

Bất ổn chính trị đã cản trở cải thiện kinh tế tại *Trung Đông* và *Bắc Phi*. Ai Cập vẫn trong tình trạng bất ổn cao từ sau khi Tổng thống được bầu bị hạ bệ vào tháng 7/2013. Kinh tế Syria bị tàn phá bởi cuộc nội chiến, sản xuất dầu mỏ bị đình trệ. Tăng trưởng kinh tế toàn khu vực châu Phi đạt 3,7%. Trong đó, kinh tế Nam Sahara tăng trưởng 5,0%; kinh tế Nam Phi tăng trưởng 2,0%.

3. Thương mại thế giới tăng trưởng chậm chạp, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch gia tăng

Năm 2013 là năm thứ hai liên tiếp thương mại thế giới tăng trưởng ở mức thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Trong 30 năm qua, tốc độ tăng trưởng thương mại nhanh gấp 2 lần so với tốc độ tăng trưởng của GDP toàn cầu. Thậm chí ngay cả dưới ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, và sự sụt giảm của tăng trưởng thương mại thế giới năm 2009, trao đổi hàng hoá và dịch vụ vẫn tăng trung bình gần 7%/năm trong giai đoạn

1980-2011, trong khi đó, tăng trưởng kinh tế thế giới bình quân hàng năm là 3,4%. Kể từ năm 2012, tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới đã chậm hơn nhiều. Tăng trưởng thương mại thế giới chỉ đạt 2,5% năm 2012 và năm 2013 vẫn dậm chân ở mức 2,5%, thấp hơn so với tăng trưởng GDP tương ứng là 3,3% và 2,9%. Trong đó, xuất khẩu của các nền kinh tế phát triển tăng 1,5%, của các nước đang phát triển là 3,6%; nhập khẩu của các nền kinh tế phát triển tăng 0,1%, của các nước đang phát triển là 5,8%. Không có nhiều điều kiện hỗ trợ tăng trưởng thương mại. Trước hết, nhu cầu nhập khẩu ở các nước đang phát triển dù vẫn gia tăng nhưng ở tốc độ chậm hơn so với dự kiến đã cản trở tăng trưởng xuất khẩu ở cả những nước phát triển và đang phát triển trong nửa đầu năm 2013. Bên cạnh đó, do Liên minh châu Âu chiếm tới 1/3 lượng tiêu thụ hàng hóa giao dịch quốc tế (bao gồm cả những hàng hóa lưu chuyển giữa các nước thành viên EU), nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao kỷ lục, nên tăng trưởng thương mại khu vực này đạt mức thấp hơn mức trung bình trong 20 năm là 5,4%. Mặc dù, tại Bali (Indonesia), 159 quốc gia thành viên Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã đạt được thỏa thuận toàn cầu đầu tiên trong gần hai thập kỷ qua nhằm đẩy mạnh giao thương trên thế giới với việc đơn giản hóa các thủ tục thương mại, giúp các nước nghèo nhất thế giới dễ dàng xuất khẩu, đóng góp gần 1.000 tỷ USD cho kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế giảm sút khiến hầu hết các nước hướng đến những chính sách bảo hộ mậu dịch như là một biện pháp cứu cánh hữu hiệu, dẫn đến chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch gia tăng. Theo WTO, số lượng các biện pháp bảo hộ thương mại được áp dụng trong các năm 2010-2013 đã tăng hơn 40%. Từ giữa tháng 10/2011 đến giữa tháng 5/2013, gần 200 biện pháp mới được thực hiện ở các nước

trên thế giới nhằm hạn chế hoặc có khả năng hạn chế hay bóp méo hoạt động thương mại, ảnh hưởng tới 0,9% giá trị nhập khẩu toàn cầu; 19 biện pháp hạn chế xuất khẩu mới được áp dụng. Các biện pháp chủ yếu gồm những hành động loại bỏ thương mại, tăng thuế, ban hành giấy phép nhập khẩu và kiểm soát hải quan, trong đó các biện pháp loại bỏ thương mại chiếm tới 42,8%. Số lượng quốc gia áp đặt các biện pháp bảo hộ mậu dịch cũng tăng mạnh. Tỷ trọng các biện pháp bảo hộ áp dụng trong nhóm G20 đã tăng từ 60% năm 2009 lên 79% hiện nay.

Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch không chỉ gia tăng ở các nền kinh tế phát triển mà còn mở rộng ở cả các nền kinh tế đang phát triển. Kể từ giữa tháng 10/2011, nhóm G20 đã bổ sung 124 biện pháp hạn chế mới có ảnh hưởng tới 1,1% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nhóm G20 (tương đương 0,9% tổng kim ngạch nhập khẩu trên thế giới). Năm 2009, nhóm G20 chiếm khoảng 60% tổng số các biện pháp bảo hộ thương mại. Năm 2012, con số này đã tăng lên hơn 75%.

Tổng giám đốc WTO, Roberto Azevedo cho rằng: áp lực bảo hộ thương mại đang lớn dần trong bối cảnh chính phủ các nước đang thắt chặt đầu tư, thất nghiệp gia tăng và tăng trưởng kinh tế chậm dần... Có vẻ như làn sóng hạn chế thương mại gần đây nhất không còn hướng tới mục tiêu chống lại những ảnh hưởng tạm thời của cuộc khủng hoảng toàn cầu mà nhằm kích thích sự phục hồi kinh tế thông qua kế hoạch hóa công nghiệp quốc gia - một vấn đề mang tính dài hạn. Chính phủ nhiều nước ủng hộ chính sách thay thế nhập khẩu và xem đó như trụ cột của tăng trưởng kinh tế. Điều này đang dẫn tới tình trạng căng thẳng thương mại khu vực và toàn cầu. WTO cho rằng, đây là các biện pháp tiêu cực và nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng không tốt lên thương mại toàn cầu trong thời

gian tới. Nhiều dấu hiệu cho thấy chủ nghĩa bảo hộ cũng có ảnh hưởng nhất định và đang chuyển thành những hình thức mới khó nhận biết hơn. Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch là nguyên nhân sâu xa dẫn tới vòng đàm phán Doha về tự do hóa thương mại toàn cầu vẫn trì trệ. Tổng giám đốc WTO kêu gọi các Chính phủ trên thế giới cần tăng gấp đôi nỗ lực chống lại các áp lực của chủ nghĩa bảo hộ và có các biện pháp tích cực nhằm bảo đảm các thị trường vẫn mở và thúc đẩy mở cửa thương mại.

4. Xuất hiện những rủi ro mới có khả năng làm chệch hướng nền kinh tế thế giới

Thứ nhất, nền kinh tế Trung Quốc. Nền kinh tế này đang trải qua một tiến trình tái cân bằng giữa đầu tư và tiêu dùng. Rủi ro ở chỗ, đầu tư của Trung Quốc có thể giảm mạnh trước khi tiêu dùng thực sự hồi phục. Điều này sẽ dẫn tới tăng trưởng kinh tế tiếp tục chậm lại ở Trung Quốc.

Thứ hai, những biện pháp mạnh mẽ mà Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đang áp dụng để vực dậy nền kinh tế, hay còn gọi là chính sách kinh tế Abenomics. Abenomics là một chương trình rất tham vọng, nhưng gói kích thích tài khóa khổng lồ không đi kèm với các biện pháp củng cố tài khóa có thể đem tới những rủi ro. Nguy cơ bất ổn tài chính thế giới là có thực nếu Nhật Bản không thực thi được những cải cách về cơ cấu và tài chính. IMF nhận định: Nhật Bản đang đẩy mạnh kích thích tiền tệ trong khuôn khổ Abenomics, ám chỉ một loạt biện pháp mà Thủ tướng Shinzo Abe áp dụng nhằm vực dậy nền kinh tế kể từ khi lên nắm quyền hồi tháng 12/2012. Theo đó, rủi ro lớn đối với ổn định tài chính có thể song hành với chương trình kinh tế của Nhật Bản một khi các kế hoạch cải cách cơ cấu và tài chính không được thực

thi đầy đủ. Việc không thể triển khai những cải cách này có thể đẩy nền kinh tế lại rơi vào giảm phát và tình trạng ngân hàng nắm giữ nợ của chính phủ.

Thứ ba, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) thu hẹp chương trình mua tài sản, khả năng FED rút lui khỏi chính sách nới lỏng định lượng. Một động thái như vậy có thể dẫn tới nhiều xáo trộn...

Thứ tư, những rủi ro từ sự giảm tốc tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi. Các nền kinh tế mới nổi đã chịu ảnh hưởng nặng nề nhất khi lãi suất tại các nền kinh tế phát triển tăng lên và giá tài sản tại các nền kinh tế phát triển biến động trong thời gian gần đây. Cùng với đó, sự suy giảm các hoạt động kinh tế tại các nền kinh tế mới nổi đã dẫn tới sự rời đi của các dòng vốn, giá cổ phiếu giảm, lợi suất trái phiếu tăng và sự mất giá của các đồng tiền tại các nền kinh tế này. Khi thị trường Mỹ gia tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, thì sẽ xuất hiện xu hướng các dòng vốn chạy khỏi các thị trường mới nổi.

Thứ năm, tỷ lệ thất nghiệp tại nhiều nước Khu vực đồng tiền chung châu Âu tăng vọt, trong đó Tây Ban Nha hiện là 26,6%, Hy Lạp 27,6% (đặc biệt tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên Hy Lạp lên tới 75%). Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cảnh báo một thế hệ thanh niên thất nghiệp có thể khiến Eurozone “tan đàn xẻ nghé” nếu như các nước thành viên không có biện pháp hữu hiệu để giải quyết vấn nạn này.

IMF cảnh báo, Eurozone vẫn tiềm ẩn rủi ro lớn đối với kinh tế toàn cầu nếu giới chức ở đây không nỗ lực cải thiện nền kinh tế và tiến tới thành lập liên minh ngân hàng.

Thứ sáu, căng thẳng xã hội leo thang tại Trung Đông và Bắc Phi cùng với gia tăng cách biệt trong thu nhập giữa các nước; sự gia tăng các cuộc tấn công mạng, sự nổi lên của tầng lớp

trung lưu tại châu Á, tầm quan trọng ngày càng tăng của các siêu đô thị, thế bế tắc trong nỗ lực đối phó với biến đổi khí hậu, phổ biến thông tin sai lệch trên Internet, niềm tin vào chính sách điều hành kinh tế của ban lãnh đạo đất nước suy giảm... đang đồng loạt ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới. Klaus Schwab, Chủ tịch điều hành của WEF cho rằng, tính chất phức tạp của các xu hướng thúc đẩy toàn thế giới phải hợp tác khẩn cấp nếu muốn giảm nhẹ các hậu quả xấu và tận dụng tác động tích cực của các xu hướng đó.

Thứ bảy, hệ thống tài chính toàn cầu vẫn khá mong manh. Sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, lãnh đạo các quốc gia nhóm G20 đã ủy quyền cho Ủy ban Ổn định tài chính toàn cầu (FSB) tiến hành điều phối các cải cách nhằm khắc phục các lỗ hổng trong hệ thống tài chính toàn cầu, xây dựng một hệ thống tài chính mở và vững mạnh nhằm hỗ trợ cho mục tiêu chủ chốt của G20 là tăng trưởng mạnh, bền vững cũng như cân bằng. Tuy nhiên, một rủi ro vẫn hiện hữu là việc các hoạt động ngân hàng truyền thống sẽ chuyển sang khu vực ngân hàng ngầm. Mục tiêu của G20 là biến hệ thống ngân hàng ngầm từ nơi đầy rẫy rủi ro và nguy cơ thành một nơi cung cấp nguồn vốn đa dạng và bền vững. Các nhà lãnh đạo nhóm G20 đã thống nhất lộ trình nhằm tăng cường toàn diện công tác giám sát và điều hành đối với các rủi ro hệ thống do hệ thống ngân hàng ngầm gây ra. Một phần trong số đó là việc tiến hành cải cách các quỹ thị trường tiền tệ và việc chứng khoán hóa. Các chính sách nhằm giảm rủi ro trên các thị trường mua lại và cho vay chứng khoán cũng như nhằm giảm thiểu sự tương tác giữa các ngân hàng chính thức và ngân hàng ngầm sẽ được hoàn tất vào đầu năm sau.

Rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu, trong đó quan trọng nhất là sự suy giảm thanh khoản tín dụng. Sau khi đã bơm tới gần 3.000

tỷ USD vào hệ thống tài chính toàn cầu trong 5 năm qua, đã đến lúc FED phải thu hồi lại. Sự kiện chính phủ Mỹ đóng cửa và tranh cãi về trần nợ công tại Quốc hội trung tuần tháng 10/2013 đã khiến FED phải lùi ngày bắt đầu thực hiện quá trình này. Năm 2014, FED sẽ giảm dần tốc độ mua vào tài sản, mở đầu cho chính sách thắt chặt tiền tệ tại Mỹ và trên thế giới trong 5 năm tới.

5. Triển vọng kinh tế thế giới

Mặc dù còn nhiều rủi ro tiềm ẩn, song, các cơ quan nghiên cứu kinh tế trên toàn thế giới đều thống nhất nhận định, năm 2014 kinh tế thế giới sẽ phục hồi tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 3,6%, cao hơn 0,7% so với mức tăng 2,9% năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do sự phục hồi tăng trưởng kinh tế tại các nước phát triển, đặc biệt ở châu Âu và Mỹ sẽ thúc đẩy xuất khẩu, đầu tư quốc tế (đầu tư ra nước ngoài của Mỹ, Nhật Bản và EU sẽ tăng khoảng 10%, đạt khoảng 950 tỷ USD năm 2014). Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu do Conference Board - tổ chức nghiên cứu hàng đầu của Mỹ đánh giá, nền kinh tế thế giới sẽ phục hồi tăng trưởng trong năm 2014 bất chấp sự giảm tốc của kinh tế Trung Quốc [4].

Tại các nước phát triển, tăng trưởng kinh tế đạt 2,0%, cao hơn 0,8% so với mức tăng trưởng kinh tế năm 2012. Sự gia tăng mạnh trong hoạt động kinh tế của Khu vực đồng tiền chung châu Âu là nhân tố chính giúp triển vọng kinh tế thế giới được cải thiện. Nền kinh tế 17 nước thành viên Eurozone tăng trưởng 0,9%, cao gần gấp 3 lần so với mức tăng trưởng 0,3% trong năm 2013. Hai nền kinh tế lớn nhất khu vực là Đức và Pháp dẫn đầu tăng trưởng với GDP tăng tương ứng là 1,4% và 1%. Các nền kinh tế Tây Ban Nha và Italia đang dần cải thiện với GDP tăng tương ứng là 0,2% và 0,7%. Đóng góp lớn thứ hai cho triển vọng tích cực của kinh tế thế

giới đến từ Mỹ. Kinh tế Mỹ phục hồi do chi cho tiêu dùng, xuất khẩu và đầu tư kinh doanh tiếp tục tăng. Tăng trưởng GDP của Mỹ đạt 2,4%, cao hơn mức 1,6% của năm 2013. Tại Nhật Bản, chính sách kích thích kinh tế của Thủ tướng Shinzo Abe đã hạn chế được tình trạng giảm phát. Kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng với GDP đạt ức tăng 1,2% do tăng chi tiêu chính phủ, việc nối lại chương trình nới lỏng định lượng tiền tệ (QE) và sự giảm giá của đồng Yên, niềm tin kinh doanh ở Nhật đang gia tăng ở mức cao nhất trong 6 năm qua.

Lần đầu tiên kể từ năm 2010, ba trung tâm kinh tế lớn trên thế giới Mỹ, EU và Nhật Bản đều phục hồi tăng trưởng, sẽ tác động lan tỏa tích cực tới các nền kinh tế khác trên thế giới. Các nước đang phát triển và mới nổi sẽ có mức tăng trưởng kinh tế cao hơn, nhờ nhu cầu tăng lên từ các nước phát triển. Những căng thẳng về tài chính quốc tế đã giảm bớt và chu kỳ kinh tế toàn cầu trong xu hướng tăng lên sẽ thúc đẩy tăng trưởng tại nhiều thị trường mới nổi. Tăng trưởng GDP của các nước đang phát triển và mới nổi đạt 5,1%, cao hơn mức tăng 4,5% năm 2013.

Kinh tế Trung Quốc suy giảm nhẹ trong năm 2014, đạt mức tăng trưởng 7,3%. Về dài hạn, kinh tế Trung Quốc có xu hướng giảm tốc độ tăng trưởng, giảm các động lực thu hút đầu tư. Năm 2014 có thể sẽ đánh dấu năm kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm nhất trong vòng hơn 1 thập kỷ qua.

Nền kinh tế của các nước Đông Âu bị tác động bởi suy thoái kinh tế và khủng hoảng nợ công tại khu vực Eurozone, cũng sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi kinh tế tại các nước Tây Âu. Kinh tế Nga sẽ tăng trưởng 3,3%, cao hơn nhiều so với mức tăng 1,5% năm 2013. Tăng trưởng kinh tế của các nước Mỹ Latin đạt 3,3%, cao hơn 0,7% so với mức tăng 2,6% năm 2013. GDP của các nước châu Phi tăng khoảng 5% nhờ kinh tế thế giới được cải thiện và đầu tư trong lĩnh vực dầu mỏ và khai khoáng tăng lên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thời báo Kinh tế Việt Nam, các số tháng 10,11,12 năm 2013.
- [2] Thông tấn xã Việt Nam, Bản tin Kinh tế, các số tháng 11,12 năm 2013.
- [3] IMF, World Economic Outlook, Washington DC, 2013.
- [4] Dự báo phát triển kinh tế thế giới, <http://www.wb.org>

The International Economy in 2013 and Prospects

Kim Ngọc

*Vietnam Academy of Social Science,
No. 1, Liễu Giai Str., Ba Đình Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: During 2013, five years after the global financial crisis, the world economy has recovered slowly and unsustainably with potential risks. According to the International Monetary Fund, the World Bank, and the Organization for Economic Co-operation and Development, the world's growth continues to decrease dramatically in 2013 achieving 2.9 percent which is 0.3 percent lower than the growth of 3.2 percent in 2012, one percent lower than that of 3.9 in 2011, and 2.3 percent lower than that of 5.2 percent in 2010.

Keywords: International economy, world trade, international investment, economic forecasting.